TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1253/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Xuân Lang**

2. Ông **Nguyễn Văn Lượng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3758/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Tăng Văn B**, sinh năm 1953

Địa chỉ: 2F/16 đường A, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà **Đỗ Thị Bình Đ**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Manassas VA 20111 - USA

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 và bản tự khai ngày 16/5/2018, nguyên đơn ông Tăng Văn B trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Bình Đ quen biết và sống chung với nhau từ năm 1980, đến năm 2005 hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 220, quyển số 02/2005 ngày 12/10/2005.

Ngày 31/12/2010, bà Đỗ Thị Bình Đ xuất cảnh sang Mỹ. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Do sống xa nhau nên vợ chồng không còn sự quan tâm đến nhau, tình cảm dần phai nhạt. Từ 3 năm nay không còn liên lạc với nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Đỗ Thị Bình Đ.

Về con chung: có 02 người con tên Tăng Văn Thế C, sinh ngày 02/6/1982 và Tăng Văn Thế N, sinh ngày 27/3/1987. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 08/6/2018 của bị đơn bà Đỗ Thị Bình Đ được Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Washington D.C, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận ngày 08/6/2018 có nội dung như sau:

Bà và ông Tăng Văn B kết hôn với nhau vào năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 220, quyển số 02/2005 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu sống chung không có mâu thuẫn; đến khi bà đi định cư ở Mỹ thì giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do mỗi người sống một nơi. Theo yêu cầu ly hôn của ông B, bà đồng ý. Bà yêu cầu được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Về con chung: có 02 người con tên Tăng Văn Thế C, sinh ngày 02/6/1982 và Tăng Văn Thế N, sinh ngày 27/3/1987. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Nguyên đơn ông Tăng Văn B có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Tăng Văn B đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn bà Đỗ Thị Bình Đ cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tăng Văn B, bị đơn bà Đỗ Thị Bình Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Ông Tăng Văn B và bà Đỗ Thị Bình Đ chung sống với nhau từ năm 1980 đến năm 2005 mới tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 220, quyển số 02/2005 ngày 12/10/2005 của Ủy ban nhân dân Phường

15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa đôi bên được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của ông Tăng Văn B thì thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc bình thường. Tháng 12/2010, bà Đỗ Thị Bình Đ qua Mỹ định cư còn ông ở lại Việt Nam. Vợ chồng liên lạc với nhau chủ yếu qua điện thoại. Sau đó,tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, nguyên nhận là do vợ chồng không sống cùng nhau, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó đến nay, bà Đỗ Thị Bình Đ không quay lại Việt Nam. Lời khai bà Đỗ Thị Bình Đ cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do sống xa nhau. Ông B xác định không còn tình cảm với vợ, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa đôi bên là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: có 02 người con tên Tăng Văn Thế C, sinh ngày 02/6/1982 và Tăng Văn Thế N, sinh ngày 27/3/1987. Cả hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn B;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tăng Văn B được ly hôn bà Đỗ Thị Bình Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 220, quyển số 02/2005 ngày 12/10/2005 của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 02 người con tên Tăng Văn Thế C, sinh ngày 02/6/1982 và Tăng Văn Thế N, sinh ngày 27/3/1987. Cả hai con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Tăng Văn B nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông B đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0044300 ngày 20/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông B đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Tăng Văn B và bị đơn bà Đỗ Thị Bình Đ; ông Tăng Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Đỗ Thị Bình Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Xuân Lang **Nguyễn Văn Lượng** **Trần Thị Nhung**